HTÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI B **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI B, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Lý quốc C

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới B, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới B, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới B, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Vương Quốc C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2019 cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị B trình bày:*

Chị B và anh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/11/2007. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh C không lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên ly thân từ năm 2018 đến nay. Do chị B và anh C không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị B yêu cầu ly hôn với anh C.

Con chung tên Vương Phương V, sinh ngày 20/02/2009 (giới tính nữ), hiện chị B nuôi dạy nên khi ly hôn chị B yêu cầu tiếp tục nuôi dạy. Chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị B không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới B, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị B và anh C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị B yêu cầu ly hôn với anh C. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị B và anh C được ly hôn; con chung cần tiếp tục giao chị B nuôi dạy, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Vương Quốc C. Do chị B và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh C có địa chỉ tại khóm A, thị trấn TB, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới B, tỉnh Cà Mau theo quy định

tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho anh C nhưng anh C không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị B và vắng mặt tại phiên họp, hòa giải không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh C nhưng anh C vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Vương Quốc C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/11/2007. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị B yêu cầu ly hôn với anh C. Vì chị B cho rằng thời gian chung sống anh chị không hợp nhau, anh C không lo cho gia đình vợ con, vợ chồng thường hay cự cãi làm phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị B và anh C có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh C vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị B và anh Vương Quốc C được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị B và anh C có một con chung tên Vương Phương V, sinh ngày 20/02/2009 (giới tính nữ). Xét thấy, chị B yêu cầu nuôi dạy cháu V là có căn cứ. Bởi vì, cháu V hiện chị B nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặt khác, Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý để thông báo cho anh C biết việc chị B có yêu cầu nuôi dạy cháu Vy nhưng anh C không

có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị B. Hơn nữa, cháu V đã trên 07 tuổi và tại biên bản ghi lời khai ngày 29/7/2019 cháu V có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ là chị B; yêu cầu và nguyện vọng của cháu V phù hợp theo quy định pháp luật nên được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần tiếp tục giao con chung cho chị B nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị B không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Thời gian chung sống, chị B và anh C không có tài sản chung nên chị B không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Xét thấy, tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị B xác định thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết là có căn cứ. Bởi vì, tại đơn xác nhận ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau xác nhận không có đơn yêu cầu liên quan đến nợ đối với chị B và anh C tại xã. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Xét xử vắng mặt đối với anh Vương Quốc C.

2.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Vương Quốc C được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Vương Phương V, sinh ngày 20/02/2009 (giới tính nữ) cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dạy. Anh Vương Quốc C không phải

cấp dưỡng nuôi con. Anh Vương Quốc C không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 04 tháng 7 năm 2019 chị B có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010521 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới B, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho chị B biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới B;
-Chi cục THADS huyện Thới B;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang